

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 - 7 - 2022  
V/v: “L hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN TP. P, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Từ Công Từ Rượu

*Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Trần Văn Bình

Ông Lê Huỳnh Sinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: “L hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hàng Huy S, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị My L, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số nhà 66 đường Yên Ninh, khu phố 7, phường Văn Hải, thành phố P, tỉnh N .

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc L hôn ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Hàng Huy S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hàng Huy S kết hôn với bà Nguyễn Thị My L trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2010 tại UBND phường Văn Hải, thành phố P, tỉnh N (Giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyền 01/2010 ngày 03/6/2010).

Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu phố 7, phường Văn Hải, thành phố P, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, bà Nguyễn Thị My L không có trách nhiệm chăm sóc gia đình chồng con. Mặt khác, bà L hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm, chửi mắng ông S nhiều lần nên dẫn đến đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống L thân hơn 06 tháng nay, trong thời gian này thì vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, mạnh ai nấy sống, không ai đặt vấn đề trở về chung sống đoàn tụ. Hai vợ chồng trước đây cũng có làm đơn thuận tình L hôn nhưng vì lý do gì mà bà L xin rút lại yêu cầu, nên ông S đơn phương làm đơn L hôn bà Nguyễn Thị My L. Ông S nghĩ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên không thể hàn gắn được, vì vậy ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được L hôn với bà Nguyễn Thị My L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017.

Nguyện vọng của ông S sau khi L hôn là đồng ý giao 02 cháu tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 cho bà Nguyễn Thị My L trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện con đang ở với bà L và có nguyện vọng được ở với bà L, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2022 và bản khai ngày 24/6/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị My L trình bày:

Vợ chồng chung sống với nhau năm 2009 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Văn Hải, thành phố P.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại khu phố 7, phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi vã, xích mích nhau nhưng là chuyện thường tình của vợ chồng nên không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện vợ chồng đã sống L thân, trong thời gian không còn sống chung thì bà Nguyễn Thị My L vẫn còn quan tâm ông S. Bà L có đặt vấn đề trở về đoàn tụ nhưng ông S không đồng ý do ông S có người phụ nữ khác. Ông S không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tuy nhiên, vì thương các con nên bà L nhiều lần

khuyến bảo để ông Squay về với vợ con. Tuy ông Scó lối sống không lành mạnh nhưng bà L vẫn còn tình cảm với ông S, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông S được đoàn tụ với nhau nhưng nếu ông Hàng Huy S vẫn cương quyết được L hôn với bà thì bà L cũng đồng ý vì theo bà L thì có níu kéo cũng không có hạnh phúc.

**\* Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017. Nếu ông Skiên quyết xin L hôn được Tòa án chấp nhận thì bà L có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, đề nghị mỗi tháng ông S sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 số tiền là 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N cháu Phúc đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng khi giải quyết vụ án:
  - + Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, đã xác định đúng tư cách tham gia tố của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.
  - + Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa làm khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 và điều 266 BLTTDS; khoản 1 điều 25, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Xử cho ông Hàng Huy S được L hôn bà Nguyễn Thị My L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 cho bà Nguyễn Thị My L trực tiếp nuôi dưỡng vì 02 con đang ở với bà L và có nguyện vọng ở với bà L. Ghi nhận việc ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N cháu Phúc đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Về án phí: Ông Hàng Huy S phải nộp 300.000đ án phí L hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Ông Hàng Huy S có đơn yêu cầu được L hôn, nuôi con chung với bà Nguyễn Thị My L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “L hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bà Nguyễn Thị My L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị My L là bị đơn trong vụ kiện nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị My L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hàng Huy S và bà Nguyễn Thị My L đăng ký kết hôn ngày 03/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Văn Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, bà Nguyễn Thị My L không có trách nhiệm chăm sóc gia đình chồng con. Mặt khác, bà L hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm, chửi mắng ông S nhiều lần nên dẫn đến đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Ông S đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà Nguyễn Thị My L vẫn không sửa đổi. Hơn nữa vợ chồng ông S, bà L đã sống L thân hơn 06 tháng nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, kể cả bà L yêu cầu đoàn tụ, ông S cũng không hề quan tâm, chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã nhiều lần hòa giải, khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng ông S vẫn kiên quyết xin được L hôn với bà Nguyễn Thị My L vì ông xác định lại là không còn tình cảm yêu thương bà L nữa và tại bản khai ngày 24/6/2022, bà L trình bày nếu ông Hàng Huy S vẫn cương quyết được L hôn với bà thì bà L cũng đồng ý vì có níu kéo cũng không có hạnh phúc.

Mặt khác, tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông S và L ngày 13/6/2022, Trưởng BQL khu phố 1, phường Văn Hải xác nhận vợ chồng ông Hàng Huy S và bà Nguyễn Thị My L đã sống L thân hơn 06 (Sáu) tháng nay và không còn trách nhiệm chăm sóc nhau nữa là đúng sự thật. Với thực trạng của

quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu L hôn của ông Hàng Huy S, xử cho ông Hàng Huy S và bà Nguyễn Thị My L được L hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017. Các bên thỏa thuận, thống nhất sau khi L hôn ông S sẽ để cho bà L nuôi dưỡng cả hai con chung và ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 số tiền là 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N cháu Phúc đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi L hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Căn cứ vào bản tự khai của cháu Hàng Nguyễn Phương Ni trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ L hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Nguyễn Thị My L. Hiện nay, cháu N Phúc đang do bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, cho ăn học đầy đủ. Mặt khác, cháu Hàng Nguyễn Phương Ni có nguyện vọng được ở với bà L do đó, giao 02 cháu Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; Ghi nhận ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 số tiền là 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N cháu Phúc đủ 18 (Mười tám) tuổi. Xét thấy thỏa thuận các bên đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Ông Hàng Huy S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Hàng Huy S phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Hàng Huy S.

- Về hôn nhân: Ông Hàng Huy S được L hôn với bà Nguyễn Thị My L.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị My L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Hàng Huy S đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 cháu Hàng Nguyễn Phương Ni, sinh ngày 12/02/2014 và Hàng Thiên Ph, sinh ngày 03/7/2017 số tiền là 10.000.000đ/tháng/02 con chung (*tức 5.000.000đ/con/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N cháu Phúc đủ 18 (Mười tám) tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.*

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hàng Huy S và bà Nguyễn Thị My L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Hàng Huy S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003873 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Hàng Huy S đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

- Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Hàng Huy S phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp Bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 13/7/2022*). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TPP;
- CCTHADS TP. P;
- TAND tỉnh N;
- UBND phường Văn Hải, TP.P
- ( GCNKH số: 69/ quyền 01/2010
- Ngày 03/6/2010);
- Lưu hồ sơ + án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Từ Công Từ Rượu**